

## MÔN TIN HỌC 7 LẦN 3

**Câu 1:** Mục đích của việc sử dụng biểu đồ là gì?

- A. Minh họa dữ liệu trực quan
- B. Dễ so sánh số liệu
- C. Dễ dự đoán xu thế tăng hay giảm của các số liệu
- D. Tất cả các ý trên

**Câu 2:** Có mấy dạng biểu đồ phổ biến nhất mà em được học trong chương trình?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

**Câu 3:** Để mô tả tỉ lệ của giá trị dữ liệu so với tổng thể người ta thường dùng dạng biểu đồ nào?

- A. Biểu đồ cột
- B. Biểu đồ đường gấp khúc
- C. Biểu đồ hình tròn
- D. Ý kiến khác

**Câu 4:** Để so sánh giá trị dữ liệu trong nhiều cột người ta thường dùng dạng biểu đồ nào?

- A. Biểu đồ cột
- B. Biểu đồ đường gấp khúc
- C. Biểu đồ hình tròn
- D. Ý kiến khác

**Câu 5:** Để so sánh dữ liệu và dự đoán xu thế tăng hoặc giảm của dữ liệu người ta thường dùng dạng biểu đồ nào?

- A. Biểu đồ cột
- B. Biểu đồ đường gấp khúc
- C. Biểu đồ hình tròn
- D. Ý kiến khác

**Câu 6:** Để xóa biểu đồ đã tạo, ta thực hiện:

- A. Nhấn phím Delete
- B. Nháy chuột trên biểu đồ và nhấn phím Delete
- C. Tất cả đều sai
- D. Nháy chuột trên biểu đồ và nhấn phím Insert

**Câu 7:** Khi vẽ biểu đồ, chương trình bảng tính ngầm định miền dữ liệu để tạo biểu đồ là gì?

- A. Hàng đầu tiên của bảng số liệu
- B. Cột đầu tiên của bảng số liệu
- C. Toàn bộ dữ liệu

**D.** Phải chọn trước miền dữ liệu, không có ngầm định

**Câu 8:** Để thêm hoặc ẩn tiêu đề cho biểu đồ, ta chọn :

**A.** Chart Title

**B.** Axis Titles

**C.** Legend

**D.** Data Lables

**Câu 9:** Trong chương trình bảng tính, khi vẽ biểu đồ cho phép xác định các thông tin nào sau đây cho biểu đồ?

**A.** Tiêu đề

**B.** Hiện thị hay ẩn dãy dữ liệu

**C.** Chú giải cho các trục

**D.** Cả 3 câu trên đều đúng

**Câu 10:** Để thêm thông tin giải thích biểu đồ, ta sử dụng các lệnh trong nhóm nào?

**A.** Design / Change Chart Type

**B.** Design / Move Chart

**C.** Layout / Labels

**D.** Layout / Change Chart Type

**Câu 11:** Để xem trước khi in một trang văn bản ta dùng chế độ hiển thị:

**A.** Page Layout

**B.** Page Break Preview

**C.** Normal

**D.** tất cả các đáp án trên

**Câu 12:** Để xem bảng tính trước khi in ta sử dụng các lệnh trong:

**A.** Nhóm WorkbookViews trên dải lệnh View.

**B.** Nhóm WorkbookViews trên dải lệnh Insert.

**C.** Nhóm WorkbookViews trên dải lệnh Page Layout.

**D.** Tất cả đều đúng.

**Câu 13:** Làm thế nào để điều chỉnh được các trang in sao cho hợp lí?

**A.** Xem trước khi in, ngắt trang hợp lí

**B.** Chọn hướng giấy in

**C.** Đặt lề cho giấy in

**D.** Cả 3 cách đều đúng

**Câu 14:** Lợi ích của việc xem trước khi in?

**A.** Cho phép kiểm tra trước những gì sẽ được in ra

**B.** Kiểm tra xem dấu ngắt trang đang nằm ở vị trí nào

**C.** Kiểm tra lỗi chính tả trước khi in

**D.** Cả 3 phương án trên đều sai

**Câu 15:** Để điều chỉnh ngắt trang như ý muốn, sử dụng lệnh:

**A.** Page Layout

**B.** Page Break Preview

**C.** Normal

**D.** Tất cả các đáp án đều sai

**Câu 16:** Trong các thao tác sau, đâu là thao tác đặt hướng giấy in thẳng đứng?

**A.** View / Page Break Preview

**B.** File / Page setup / Margins

**C.** File / Print / Page

**D.** Page Layout / Page setup / Page / Portrait

**Câu 17:** Nhóm lệnh Page Setup nằm trong bảng chọn nào?

**A.** Page Layout

**B.** Insert

**C.** Home

**D.** Data

**Câu 18:** Trong các thao tác sau, đâu là thao tác để đặt lề giấy in?

**A.** View / Page Break Preview

**B.** File / Page Setup / Page

**C.** Page Layout/ Page Setup / Margins

**D.** File / Print

**Câu 19:** Trong các thao tác sau, đâu là thao tác mở hộp thoại để In trang tính?

**A.** View / Page Break Preview

**B.** File / Page setup / Page

**C.** File / Page setup / Margins

**D.** File / Print/ nhấp chuột vào biểu tượng Print

**Câu 20:** Trong các thao tác sau, đâu là thao tác đặt hướng giấy nằm ngang?

**A.** View / Page Break Preview

**B.** Page Layout / Page setup / Page / Landscape

**C.** File / Page setup / Margins

**D.** File / Print / Margins